

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê
Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương
ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát
triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Cục Thống kê tỉnh tại Văn bản số 728/TTr-CTK ngày 19
tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có kịp thời, hiệu quả các nội dung công việc như đã phân công tại Kế hoạch này và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh (qua Cục Thống kê tỉnh) để kịp thời tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thống Kê;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM
GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2022 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.2	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112					
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	0131	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành		Hàng năm	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao; - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao.
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành		Hàng năm	- Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê
1.3.2.4	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01324	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	- Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ cho công tác thống kê đối với các vùng khó khăn	0133	UBND tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	014					
1.4.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê tập trung	0142					
1.4.2.1	Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại Cục thống kê, Chi cục Thống kê	01421	Cục Thống kê			Hàng năm	Báo cáo thực trạng nguồn nhân lực của ngành Thống kê Bình Định
1.4.2.4	Cử công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	01424	Cục Thống kê			Hàng năm	- Số lượng lớp đào bồi dưỡng theo kế hoạch được tổ chức; - Số lượng công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng được cấp chứng chỉ.
1.4.2.5	Củng cố nhân lực làm công tác thống kê các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh, huyện; thống kê xã, phường, thị trấn.	01425	UBND tỉnh, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Cục Thống kê	2022	2030	Văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của nhân lực làm công tác thống kê các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh, huyện; thống kê xã, phường, thị trấn.
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn	0145					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn	01451	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn.		Hàng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê
1.4.5.2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn hàng năm, 5 năm	01452	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.5.3	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng	01453	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2023	2030	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.5.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn.	01454	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND cấp tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND cấp tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục Thống kê tổ chức.
1.4.5.5	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, sở ban ngành	01455	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	2023	2030	- Số lượng khóa bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê; - Số lượng học viên được bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.6	Hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	0146	Cục Thống kê	Các đơn vị đào tạo: Đại học Quy Nhơn, Cao đẳng Thống kê		Hàng năm	- Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng, đội ngũ giảng viên...; - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê (bao gồm tập huấn, phổ biến, thực hiện)	0223	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241	Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024	2025	- Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê; - Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê.
2.4.2	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242	Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024	2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.4.2.1	Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02421	Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024	2030	Số lượng văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê
2.5	Rà soát, đề xuất các điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê	025	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Văn bản đề xuất điều chỉnh, bổ sung
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021	2030	- Sử dụng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê (Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến; phần mềm thu thập thông tin trên thiết bị di động; Phần mềm khai thác dữ liệu hành chính từ cơ quan Thuế; phần mềm khai thác dữ liệu từ chế độ báo cáo thống kê điện tử của các đơn vị; phần mềm sử dụng bản đồ số GIS và ảnh viễn thám cho thống kê cây trồng...); - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thông kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021	2030	- Hệ thống xử lý thông tin thống kê; - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê sở, ban, ngành trên địa bàn	03121	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành
3.1.2.2	Thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan	03122	UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Cục Thống kê	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Cục Thống kê	2022	2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông	2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông	2025	2030	Kết quả ứng dụng các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					
3.1.4.1	Áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ tiêu thống kê, biên soạn một số chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh	03141	Cục Thống kê		2025	2030	Báo cáo nghiên cứu
3.1.4.5	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03145	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2023	2030	- Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; - Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.3	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431					
4.3.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo KTXH tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	4311	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
4.3.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về kinh tế-xã hội cập nhật số liệu một số chỉ tiêu thống kê chủ yếu vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; các chỉ tiêu kinh tế số, logistics	4312	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	Số lượng báo cáo kinh tế xã hội tháng, quý, năm, các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; các chỉ tiêu kinh tế số, logistics
4.3.1.3	Sử dụng phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm	04313	Cục Thống kê		Tháng 4/2021	2030	Phần mềm biên soạn báo cáo KTXH tháng, quý, năm được xây dựng và áp dụng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432					
4.3.2.2	Ứng dụng công cụ hiện đại để biên soạn thông tin thống kê dưới dạng video phục vụ họp báo kinh tế - xã hội quý, năm	04322	Cục Thống kê		2023	2030	Các video thể hiện thông tin thống kê quý, năm được biên soạn phục vụ họp báo KTXH
4.3.2.4	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh	04224	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	- Số lượng maket số liệu kinh tế-xã hội được chuẩn hóa theo phương pháp mới; - Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố (LRIS); - Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử...
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
4.4.1.1	Sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo), phương tiện truyền thông, trang web của các sở, ngành để phổ biến thông tin thống kê	04411	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	- Thông tin thống kê được phổ biến bằng hình thức mới; - Thông tin thống kê của ngành được tích hợp, chia sẻ.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.2	Phổ biến các thông tin thống kê theo các chỉ tiêu thống kê mới được quy định trong Nghị định quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (Theo Luật Thống kê năm 2021)	04412	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Thông tin thống kê các chỉ tiêu mới được phổ biến trong các ấn phẩm thống kê, như: Tài liệu phổ biến thông tin thống kê hàng năm; Niên giám thống kê ...
4.4.1.4	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04414	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố			Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của CTK, của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn
4.4.1.5	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định	04415	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh
4.4.1.6	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	04416	Cục Thống kê	Cục Thống kê các địa phương trong vùng	2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website...
4.4.1.7	Cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử của Cục thống kê	04417	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông	2022	2030	Website của Cục Thống kê được cập nhật
4.4.1.8	Bảo đảm cung cấp sản phẩm thống kê kịp thời và tăng cường cung cấp dữ liệu thống kê vi mô	04418	Cục Thống kê			Hàng năm	Số lượng các sản phẩm thống kê được cung cấp tới người sử dụng thông tin thống kê kịp thời theo lịch công bố thông tin;

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	045					
4.5.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	0451	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử; - Các phóng sự, chuyên đề trên đài phát thanh - truyền hình Trung ương và địa phương.
4.5.1.1	Tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kiến thức thống kê, tập huấn chuyên đề, chuyên môn	04511	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Số hội nghị, tập huấn
4.5.1.2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình	04512	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan Thông tấn, báo chí	2022	2030	Số buổi phát thanh, truyền hình, số bài báo tuyên truyền về công tác thống kê
4.5.2	Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê	0452	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Các tài khoản chính thức trên các phương tiện truyền thông xã hội; - Các clip ngắn, các bài giảng về Luật Thống kê, về kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5.3	Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê	0453	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Số lần tương tác; - Ý kiến phản hồi; - Các tài liệu hướng dẫn; - Hội nghị người dùng tin thống kê được tổ chức.
5	Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê	05					
5.1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	051					
5.1.1	Rà soát, cập nhật các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	0511	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành	2022	2030	Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê tại địa phương
5.1.2	Góp ý xây dựng Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0512	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2022	Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê	052					
5.2.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số	0521					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.1.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê	05211	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại Cục Thống kê và các Chi cục Thống kê trực thuộc; - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại sở, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê; - Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.
5.2.1.2	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công, bảo vệ ở mức cơ bản	05212	Cục Thống kê	Sở Thông tin và Truyền thông	2022	2030	Hệ thống hạ tầng CNTT
5.3	Tư liệu hóa công tác thống kê	053					
5.3.2.1	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ	05321	Cục Thống kê			Hàng năm	Tài liệu lưu trữ được chỉnh lý hoàn chỉnh
5.3.2.2	Số hóa tài liệu lưu trữ	05322	Cục Thống kê			Hàng năm	Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ được cập nhật
7	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo	07					
7.1	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học	071					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.1	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến	0711					Số lượng đề tài/chuyên đề về phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê
7.1.1.1	Nghiên cứu xây dựng quy trình thu thập dữ liệu hành chính	07111	UBND tỉnh		2022	2025	Ban hành quy trình thu thập dữ liệu hành chính và tài liệu hướng dẫn
8	Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê	08					
8.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	081					
8.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0811	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	- Báo cáo kết quả thanh tra; - Kết luận thanh tra.
8.1.2	Kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0812	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.1.3	Giám sát việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0813	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Báo cáo kết quả giám sát

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	082					
8.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với sở, ngành	0821	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2.3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với huyện, thị xã, thành phố	0823	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2.4	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp xã	0824	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.3	Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ Luật Thống kê trong sản xuất thông tin thống kê của Hệ thống thống kê Nhà nước	083					
8.3.1	Kiểm tra việc sản xuất thông tin đối với sở, ngành	0831	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	UBND Tỉnh	Cục Thống kê, Sở Tài chính		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm của Cục thống kê và thống kê các sở, ban, ngành được phê duyệt
9.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0912	UBND Tỉnh	Sở Tài chính, Cục Thống kê		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK trên địa bàn được phân bổ cho các đơn vị thực hiện
9.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092					
9.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê cấp tỉnh	0921	UBND Tỉnh	Cục Thống kê, Sở Tài chính	2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được thành phố phê duyệt
9.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê tại địa phương	0922	UBND Tỉnh	Sở Tài chính, Cục Thống kê	2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	Cục Thống kê	Sở Tài chính	2024	2030	Dự toán kinh phí Đề án hàng năm của công tác thống kê trên địa bàn được phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn tỉnh	0942	Cục Thống kê	Sở Tài chính	2024	2030	- Phương tiện và trang thiết bị làm việc cơ quan thống kê tập trung, thống kê sở, ban, ngành; - Kế hoạch phân bổ (Bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng).
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC						
10	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	10					
10.1	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược tỉnh Bình Định	101	UBND tỉnh	Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
10.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 tỉnh Bình Định	1021	UBND tỉnh	Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan		Tháng 8/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của tỉnh được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 tỉnh Bình Định	1022	UBND tỉnh	Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của thành phố được ban hành
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược trên địa bàn tỉnh	103	UBND tỉnh	Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan		Tháng 10/2022	01 hội nghị do UBND tỉnh chủ trì
11	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	11					
11.1	Góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	111	UBND tỉnh	Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan	Tháng 7/2022	Tháng 8/2022	Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113					
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	UBND tỉnh	Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	114					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	UBND tỉnh	Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan		Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	TG bắt đầu	TG hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.2	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Thủ tướng Chính phủ	1142	UBND tỉnh	Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan		2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Thủ tướng Chính phủ
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143					
11.4.3.2	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	11432	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của địa phương (Từ tháng 9-12/2025)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144					
11.4.4.1	Xây dựng Kế hoạch tổng kết tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30	11441	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của địa phương (Từ tháng 7-10/2030)
11.4.4.2	Tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tỉnh Bình Định	11442	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Tổ chức Hội nghị tổng kết (Tháng 10-12/2030).